TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **523**/2022/DS-PT
Ngày: 15/12/2022
V/v: *Tranh chấp chia thừa kế.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp chia thừa kế"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DSST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 499/2022/QĐ- PT ngày 23 tháng 11 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huệ; sinh năm 1958; Nơi cư trú: Số 91, tổ A1, ngõ 260 Tân Mai, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Văn Sơn – Văn phòng luật sư Đặng Sơn & cộng sự – Đoàn luật sư TP. Hà Nội. Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hạnh; sinh năm 1957; Nơi cư trú: Số 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Có mặt

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bùi Tiến Soạn và Luật sư Nguyễn Văn Thông- Văn phòng Luật sư Đông Hà- Đoàn Luật sư TP. Hà Nội. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1962; Nơi cư trú: số 58 khu Chợ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Ngân, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Xóm Bến, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. (Ủy quyền cho bà Huệ - Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ô 05 lô A, khu tái định cư X1, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Có mặt

4. Ông Nguyễn Trung Thành, sinh năm 1975; Nơi cư trú: số 8, đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Có mặt

5. Ông Vương Đình Thái, sinh năm 1951 (Chồng bà Hạnh - Có mặt)

6. Anh Vương Hải Long, sinh năm 1982 . Có mặt

7. Anh Vương Minh Tuấn, sinh năm 1986. Có mặt

8. Anh Vương Anh Tuấn, sinh năm 1986. Có mặt

(Anh Long, anh Minh Tuấn, anh Anh Tuấn là con bà Hạnh)

9. Chị Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh năm 1990 (con dâu bà Hạnh). Có mặt

10. Cháu Vương Gia Linh, sinh năm 2020(do anh Tuấn, chị Nhung giám hộ)

Đều cư trú: số nhà 10, đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

11. Uỷ ban nhân dân thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: ông Lê Ngọc Thường – Chủ tịch; Ông Thường ủy quyền cho bà Trần Thị Hòa – Cán bộ địa chính thị trấn Văn Điển. (xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Huệ; Bà Nguyễn Thị Nguyệt; Bà Nguyễn Thị Hạnh; ông Vương Đình Thái; ông Nguyễn Trung Thành; anh Vương Anh Tuấn; anh Vương Minh Tuấn; chị Nguyễn Thị Hồng Nhung; anh Vương Hải Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2019, bổ sung ngày 08/10/2019 và quá trình Toà án giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Huệ trình bày:*

Cha, mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Đàm (chết năm 2004) và cụ Nguyễn Thị Vượng (chết năm 2012). Cụ Đàm và cụ Vượng có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Hạnh (bị đơn); bà Nguyễn Thị Huệ; bà Nguyễn Thị Nguyệt; bà Nguyễn Thị Ngân; bà Nguyễn Thị Tuyết; ông Nguyễn Trung Thành. Cha, mẹ bà không có con riêng, không có con nuôi.

Cụ Nguyễn Văn Đàm, cụ Nguyễn Thị Vượng chết không để lại di chúc. Di sản của hai cụ là quyền sử dụng 176,2 m^2 đất tại thửa số 45, tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Số 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội (Nay là số 8+10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì). Thửa đất này có 156,9 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số 10123012961, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2003 cho ông Nguyễn Văn Đàm, còn lại 19,3 m^2 là đất do cụ Đàm cụ Vượng lấn ao chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên thửa đất có ngôi nhà một tầng xây gạch và các công trình phụ như bể nước, sân, giếng nước, bếp, một căn buồng khoảng 25m^2 do cha mẹ bà xây dựng. Năm 2000, bà Hạnh phá căn buồng để xây ngôi nhà 2 tầng, một tum diện tích 38,6m^2. Ngôi nhà này do vợ chồng, các con bà Hạnh sinh sống.

Năm 2006, vợ chồng bà Nguyệt phá căn nhà cấp bốn phía ngoài xây lại ngôi nhà 2 tầng, 1 tum với diện tích 53 m^2 có để lại một lối đi chung phía Bắc giáp đường chợ, lối đi chạy dài vào phía trong. Ngôi nhà này mẹ bà và ông Thành sinh sống, sau khi mẹ bà chết thì một mình ông Thành sinh sống.

Năm 2018, Ủy ban nhân dân thị trấn Văn Điển quy hoạch mở rộng, nâng cấp đường Tứ Hiệp, di sản bị thu hồi 13,1m^2 đất, diện tích đất này nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân thị trấn Văn Điển đã tiến hành thủ tục bồi thường giải phóng mặt bằng. Tháng 01/2020, toàn bộ 6 anh chị em bà đã nhận tiền bồi thường, mỗi người được nhận 79.500.000 đồng, bà không tranh chấp về số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng nêu trên.

Bà Huệ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Đàm, cụ Vượng là quyền sử dụng 161,4m^2 đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 tđịa chỉ Số 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội (Nay là số 8+10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì (trong diện tích này có 17,6 m^2 là diện tích lấn ao Sóc). Kỷ phần thừa kế của bà được hương, bà xin nhận bằng tiền. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huệ thay đổi xin được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật và đề nghị chia chung vào kỷ phần của bà Ngân, bà Nguyệt.

**** Bị đơn - bà Nguyễn Thị Hạnh trình bày:***

Về diện và hàng thừa kế, di sản thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng. Di sản thừa kế của cụ Đàm, cụ Vượng là quyền sử dụng 176,2 m^2 đất tại thửa số 45, tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Số 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội (Nay là số 8+10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì). Thửa đất này có 156,9 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10123012961, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2003 đứng tên cụ Nguyễn Văn Đàm. Năm2018, Ủy ban nhân dân thị trấn Văn Điển quy hoạch mở rộng, nâng cấp đường Tứ Hiệp, di sản bị thu hồi 13,1m^2 đất. Diện tích 19,3 m^2 là đất do cụ Đàm, cụ Vượng cùng vợ chồng bà lấn ao đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Ngoài nhà đất trên, cụ Đàm và cụ Vượng không còn tài sản nào khác và cũng không để lại nghĩa vụ nào.

Năm 2000, cụ Vượng đã cho vợ chồng bà đất và vợ chồng bà đã xây ngôi nhà 03 tầng trên diện tích hơn 30m^2 đất và căn bếp 1 tầng diện tích hơn 20m^2, cha mẹ cũng cho bà lối đi riêng ra đường công cộng. Khi bà xây nhà xong, cụ Đàm đã sinh sống cùng gia đình bà cho đến khi chết. Cùng năm 2000, bà tự soạn thảo giấy cho đất của cha mẹ nhưng chỉ có cụ Đàm ký tên, cụ Vượng không ký với lý do *"đất của bố con cho con thì bố con ký là được rồi"*. Đến năm 2001, cụ

Vượng đề nghị bà xây cho cụ ngôi nhà một tầng và trả nợ cho cụ Vượng thì cụ Vượng sẽ ký tên cho đất nên bà đã xây cho cụ Vượng nhà và trả nợ cho cụ Vượng. Đến năm 2002, cụ Vượng mới đồng ý ký vào bản di chúc mà bà soạn thảo do vậy năm 2002 bà mới mang bản di chúc đến Ủy ban nhân dân thị trấn Văn Điển đóng dấu xác nhận. Năm 2003, cụ Đàm bị liệt không đi lại được, cụ Vượng yêu cầu soạn thảo lại bản di chúc để chia đất cho cả hai chị em (bà và ông Nguyễn Trung Thành). Do thời gian đã lâu, bà không còn nhớ cụ thể các tình tiết, bà chỉ nhớ cha, mẹ bà có trao cho bà bản di chúc. Sau này bà mới biết người được bố mẹ bà nhờ đánh máy bản di chúc là ông Nguyễn Xuân Toán. Do vậy, bà xin thay đổi lời khai đã trình bày trước đây, và khẳng định quá trình bố mẹ bà lập di chúc bà hoàn toàn không biết đến khi được cụ Đàm, cụ Vượng trao cho bản di chúc ngày 08/01/2004 hiện bà đã nộp cho Tòa án.

Đối với số tiền đền bù đất do mở đường, anh chị em bà đã nhận đủ và không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đồng ý kết quả định giá ngày 11/9/2020 và kết quả đo đạc của Công ty TNHH Địa chính công trình Hà Nội thực hiện ngày 30/7/2020 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Bà Hạnh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Huệ vì bà cho rằng cha, mẹ bà đã có di chúc cho bà diện tích đất mà gia đình bà đang quản lý sử dụng nên bà không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật. Đối với diện tích nhà đất ông Thành đang quản lý sử dụng là tài sản của ông Thành, bà không có yêu cầu gì. Bà tự nguyện hỗ trợ cho bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân, bà Tuyết mỗi người 100.000.000 đồng.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Nguyệt trình bày*:

Bà đồng ý với nguyên đơn và bị đơn về diện và hàng thừa kế, di sản thừa kế. Bà xác định cụ Đàm, cụ Vượng chết không có di chúc. Bà không thừa nhận các bản di chúc mà bà Hạnh đưa ra là do cụ Đàm, cụ Vượng lập. Sau khi cha mẹ chết, bà Hạnh cũng không công bố di chúc, đến năm 2018 khi có quy hoạch mở rộng đường Tứ Hiệp bà Hạnh mới công bố di chúc.

Bà Hạnh có khó khăn về kinh tế nên cụ Đàm, cụ Vượng đã tạo điều kiện cho bà Hạnh xây nhà và sinh sống trên thửa đất của bố mẹ bà.

Bà xác định tài sản cụ Đàm, cụ Vượng để lại là 176,20m^2 đất, (156,9m^2 đã được cấp giấy chứng nhận và 19,3 m^2 đất lấn ao) là di sản thừa kế.

Năm 2006, bà thấy nhà cha mẹ xuống cấp nên vợ chồng bà đã xây cho cha mẹ một ngôi nhà 2 tầng 1 tum, diện tích hơn 50m^2, khi xây nhà xong có cụ Vượng và ông Thành sinh sống tại đó. Bà còn xây một gian bếp khoảng 20m^2 sau nhà bà Hạnh.

Đối với diện tích 19,3 m^2 đất ao bồi do công sức của cha mẹ và các anh chị em cùng góp sức tôn tạo được. Đối với số tiền đền bù đất do mở đường, anh chị em bà đã nhận đủ và không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đồng ý kết quả đo đạc của Công ty TNHH Địa chính công trình Hà Nội thực hiện ngày 30/7/2020 và kết quả định giá gày 11/9/2020.

Bà Nguyệt yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Đàm và cụ Vượng. Kỷ phần thừa kế của bà được nhận bằng tiền. Số tiền bà đã xây nhà cho bố mẹ ở lúc còn sống, hiện nay ông Thành đang sử dụng thì bà không yêu cầu phải thanh toán. Tại phiên tòa bà Nguyệt thay đổi xin được nhận kỷ phần thừa kế của mình là quyền sử dụng đất và được chia chung vào kỷ phần của bà Huệ, bà Ngân.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - **b**à Nguyễn Thị Tuyết trình bày*:

Bà đồng ý với lời khai của các chị bà về diện, hàng thừa kế, di sản thừa kế. Bà xác định cụ Đàm, cụ Vượng chết không lập di chúc. Bà không thừa nhận các bản di chúc mà bà Hạnh đưa ra, bà cho rằng đó là giả mạo vì thời điểm đó cụ Đàm ốm nặng, không có khả năng nhận thức, bà Hạnh tự đánh máy di chúc và tự viết giấy cho đất năm 2000 mà đến năm 2002 bà Hạnh mới có dấu của ủy ban. Bà Tuyết đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Sau này, bà có quan điểm cho bà Hạnh kỷ phần thừa kế của mình.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Trung Thành trình bày*:

Ông đồng ý về diện, hàng thừa kế, di sản thừa kế như nguyên đơn và bị đơn đã trình bày. Sinh thời cha mẹ ông tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 156,9 m^2 và 19,3 m^2 đất do lấn ao tại thửa đất số 45 tờ bản đồ số 30; địa chỉ: Số 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội (Nay là số 8+10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì). Ông sinh sống tại nhà đất này từ nhỏ. Sau khi cụ Đàm, cụ Vượng chết, ông và bà Hạnh vẫn tiếp tục sinh sống trên thửa đất này.

Ông xác định cha, mẹ ông có lập di chúc ngày 08/01/2004 để lại tài sản là đất và nhà ở với diện tích 72,9m^2. Bản di chúc có điểm chỉ của cụ Đàm và chữ ký của cụ Vượng. Số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã nhận mở rộng đường, ông đã được nhận cùng 6 anh chị em. Ông không thắc mắc gì.

Ông đồng ý kết quả đo đạc của Công ty TNHH Địa chính công trình Hà Nội thực hiện ngày 30/7/2020 và kết quả định giá gày 11/9/2020.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của cụ Đàm, cụ Vượng để lại tài sản cho ông và bà Hạnh.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ông Vương Đình Thái (chồng bà Hạnh) trình bày*:

Ông và bà Nguyễn Thị Hạnh kết hôn năm 1979, do ông đi bộ đội nên bà Hạnh vẫn sống cùng nhà cụ Đàm, cụ Vượng tại thửa đất đang tranh chấp. Năm 1986, bà Hạnh sinh con nên ông xin chuyển công tác và cùng sinh sống tại nhà cha mẹ vợ từ đó đến nay.

Đằng sau nhà là ao đầm của Nhà nước, vợ chồng ông lấp ao và tôn tạo thành diện tích như hiện nay. Việc lấp ao kéo dài nên ông không xác định được tổng chi phí bao nhiêu tiền nhưng khoảng 350 triệu đồng đến 400 triệu đồng.

Năm 2000, cụ Vượng đã cho vợ chồng ông đất. Cùng năm đó, vợ chồng ông xây một ngôi nhà 03 tầng trên diện tích hơn 30m^2 và căn bếp hơn 20m^2 và có một lối đi riêng giá trị xây dựng khoảng 350-400 triệu đồng là tiền riêng của vợ chồng ông. Sau khi xây nhà xong thì cụ Đàm sống cùng vợ chồng ông tại căn nhà này cho đến khi cụ chết.

Năm 2001, vợ chồng ông bà lại xây cho cụ Vượng một ngôi nhà một tầng ngay cạnh ngôi nhà 3 tầng của vợ chồng ông bà (hiện nay ngôi nhà này đã bị phá đi để xây thành ngôi nhà mà ông Thành đang quản lý sử dụng) để cụ Vượng và ông Thành ở.

Kể từ đó đến nay, vợ chồng ông bà cùng các con vẫn quản lý, sử dụng nhà ở ổn định. Mọi công việc trong gia đình đều do ông bà gánh vác, lo lắng, khi cụ Đàm, cụ Vượng ốm và bị tai biến thì hai vợ chồng ông cũng là người chăm sóc các cụ.

Ông xác định cụ Đàm, cụ Vượng đã cho vợ chồng ông nhà đất ở số 10 đường Tứ Hiệp, cho ông Thành nhà đất số 8 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội như trong các bản di chúc. Ông đồng ý theo số liệu đo đạc của Công ty TNHH Địa chính công trình Hà Nội thực hiện ngày 30/7/2020 và kết quả định giá ngày 11/9/2022, diện tích đất hiện trạng là 161,4m^2. Trong đó gồm 143,8m^2 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, 17,6m^2 đất do lấn ao.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu công nhận di chúc và giấy cho đất xây dựng nhà ở của cụ Đàm, cụ Vượng đã cho đất bà Hạnh. Còn phần diện tích nhà đất mà ông Thành đang quản lý sử dụng thì đó là tài sản của ông Thành, ông không có yêu cầu gì.

Nếu công nhận di chúc, gia đình ông tự nguyện hỗ trợ cho bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân, bà Tuyết mỗi người 100.000.000 đồng.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Anh Vương Anh Tuấn (con bà Hạnh) trình bày*:

Di sản thừa kế của ông bà ngoại anh để lại cho bố mẹ thì anh không liên quan và anh cũng không đóng góp công sức gì.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Ngân trình bày*:

Bà thống nhất ý kiến với bà Nguyễn Thị Huệ và đề nghị được chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Kỷ phần thừa kế của bà được chia chung vào kỷ phần của bà Huệ, bà Nguyệt.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thị trấn Văn Điển do bà Trịnh Thị Hòa – người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Theo các hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND thị trấn Văn Điển và Giấy xác nhận về việc sử dụng đất các tài sản gắn liền với đất trong phạm vi thực hiện dự án nâng

cấp, mở rộng tuyến đường Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội ngày 18/4/2019 của UBND thị trấn Văn Điển: "Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 156,9m2 đất ở đã được UBND huyện Thanh Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123012961, số vào sổ 2230/QĐ-UB/420/2003 ngày 31/12/2013. Diện tích hiện trạng là 176,2m^2, tăng 19,3m^2 do lấn ao Sóc chợ phía sau. Diện tích 13,1m^2 đất đã thu hồi là đất được UBND huyện Thanh Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123012961, số vào sổ 2230/QĐ-UB/420/2003 ngày 31/12/2013 cho ông Nguyễn Văn Đàm. Phần diện tích đất do lấn ao Sóc chợ phía sau do Uỷ ban nhân dân thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội quản lý.

Phần diện tích đất lấn ao Sóc chợ phía sau theo Giấy xác nhận về việc sử dụng đất các tài sản gắn liền với đất trong phạm vi thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội ngày 18/4/2019 của UBND thị trấn Văn Điển là 19,3m^2. Theo đo đạc của Công ty TNHH địa chính công trình Hà Nội thực hiện ngày 30/7/2020 là 17,6m^2, sự chênh lệch này là do sai số trong quá trình đo.

Qua kiểm tra hồ sơ xây dựng lưu trữ tại UBND thị trấn Văn Điển thì các công trình xây dựng trên toàn bộ diện tích đất nêu trên đều không phép.

Nay bà Nguyễn Thị Huệ có đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đàm, cụ Vượng để lại là quyền sử dụng 143,8 m^2 đất ở tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 đã được UBND huyện Thanh Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123012961, số vào sổ 2230/QĐ-UB/420/2003 ngày 31/12/2013 mang tên ông Nguyễn Văn Đàm và diện tích 17,6m2 đất do lấn ao Sóc chợ phía sau, UBND thị trấn Văn Điển có ý kiến như sau:

- Đối với quyền sử dụng 143,8m^2 đất ở tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 đã được UBND huyện Thanh Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123012961, số vào sổ 2230/QĐ-UB/420/2003 ngày 31/12/2013 mang tên ông Nguyễn Văn Đàm, Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

- Đối với diện tích đất do lấn ao Sóc do UBND thị trấn Văn Điển đang quản lý, đề nghị Tòa án chỉ phân chia tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án huyện Thanh Trì xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Huệ về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn Đàm và Nguyễn Thị Vượng là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 143,8m^2 tại số 08 và 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội (số cũ là 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội).

2. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế cuả bà Huệ đối với diện tích lấn ao Sóc là 17,6 m^2. thuộc UBND thị trấn Văn Điển quản lý.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đàm, cụ Vượng gồm: Bà Nguyễn Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Nguyệt, bà Nguyễn Thị Tuyết, bà Nguyễn Thị Ngân, ông Nguyễn Trung Thành.

4. Xác định di sản của cụ Nguyễn Văn Đàm và cụ Nguyễn Thị Vượng là quyền sử dụng diện tích đất 143,8m^2 thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 tại số 08 và 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội (số cũ là 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội). Di sản có giá trị 14.380.000.000 đồng, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng 17,8 m^2 giá trị tương ứng 1.780.000.000 đồng.

5. Trích công sức duy trì khối tài sản và công chăm sóc cho ông Nguyễn Trung Thành và bà Nguyễn Thị Hạnh mỗi người được hưởng ½ kỷ phần thừa kế có giá trị là 890.000.000 đồng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Nguyệt không yêu cầu ông Nguyễn Trung Thành trả giá trị xây dựng ngôi nhà do ông Thành đang quản lý sử dụng.

7. Trích ngõ đi chung cho bà Hạnh, bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân, ông Thành cùng sử dụng là 19m^2, được giới hạn bởi các điểm từ: 1', 2, 3, 4, 5, 6, 6', 7, 22, 21, 20', 20, 1'(có sơ đồ kèm theo bản án).

8. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tuyết để lại kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Hạnh.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Ngân, bà Nguyễn Thị Nguyệt chia chung vào cùng diện tích đất.

10. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đàm và cụ Nguyễn Thị Vượng được chia thành 7 kỷ phần. Mỗi kỷ phần được hưởng là 17,8 m^2 có giá trị là 1.780.000.000 đồng. Như vậy, phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Ngân, bà Nguyễn Thị Nguyệt được hưởng có giá trị là 17,8 m^2 x 3 = 53,4 m^2 có giá trị là 5.340.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Hạnh được hưởng phần di sản thừa kế là 17,8 m^2 x 2,5 = 44,5 m^2 có giá trị là 4.450.000.000 đồng. Ông Nguyễn Trung Thành được hưởng phần di sản thừa kế là 17,8 m^2 x 1,5 = 26,7m^2 có giá trị là 2.670.000.000 đồng.

11. Chia cho bà Nguyễn Thị Hạnh được sử dụng diện tích 36,1m^2 đất ở thuộc một phần thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 tại số 08 và 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội (số cũ là 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển), được xác định giới hạn bởi các điểm 7, 8, 9, 10, 10', 32, 26, 25, 24, 23, 22, 7 (có sơ đồ kèm theo bản án) và toàn bộ tài sản trên đất gồm phần nhà 03 tầng, phần nhà 01 tầng cấp 4, phần nhà tạm 01 tầng và toàn bộ công trình trên đất được chia.

12. Chia cho ông Nguyễn Trung Thành được sử dụng diện tích 45,4m^2 đất ở thuộc một phần thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 tại số 08 và 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội (số cũ là 17A khu

chợ, thị trấn Văn Điển), được giới hạn bởi các điểm từ: 1, 1', 20, 20', 21, 18, 18', 19, 1 (có sơ đồ hiện trạng kèm theo); ông Thành được sở hữu toàn bộ ngôi nhà 03 tầng và toàn bộ công trình trên đất được chia.

Buộc ông Nguyễn Trung Thành phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Nguyệt, bà Nguyễn Thị Ngân, mỗi người số tiền là 340.000.000 đồng;

Buộc ông Nguyễn Trung Thành phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Hạnh số tiền 850.000.000 đồng

- Chia cho bà Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Thị Nguyệt được sử dụng chung diện tích 43,3 m^2 đất ở thuộc một phần thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 tại số 08 và 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội (số cũ là 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển), được xác định giới hạn bởi các điểm 16', 17, 18, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 16'(có sơ đồ kèm theo bản án) và toàn bộ tài sản trên đất gồm phần nhà 03 tầng, phần nhà tạm 01 tầng, phần sân gạch và toàn bộ công trình trên đất được chia.

Buộc bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Ngân, bà Nguyễn Thị Nguyệt phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hạnh số tiền 113.593.740 đồng.

13. Tạm giao diện tích 9,5m^2 đất lấn ao Sóc được xác định giới hạn bởi các điểm 13', 14, 15, 16, 16, 30, 29, 28, 27, 26, 13' cho bà Huệ, bà Ngân, bà Nguyệt sử dụng và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về quản lý đất đai theo pháp luật (có sơ đồ kèm theo bản án).

14. Tạm giao diện tích 8,1 m^2 đất lấn ao Sóc được xác định giới hạn bởi các điểm 10, 11, 12, 13, 13', 26, 32, 10' cho bà Hạnh tiếp tục sử dụng và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về quản lý đất đai theo pháp luật (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Huệ và bà Nguyệt có kháng cáo không đồng ý phần trích công sức cho bà Hạnh của bản án sơ thẩm.

Bà Hạnh, ông Thành, ông Thái, anh Long, anh Minh Tuấn, anh Anh Tuấn, chị Nhung có kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét tăng phần công sức cho gia đình bà Hạnh, không đồng ý phần chia hiện vật của bản án sơ thẩm, đề nghị chỉ hiện vật cho ông Thành, bà Hạnh.

Ngày 21/10/2022 bà Huệ, bà Nguyệt rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Huệ, bà Nguyệt vẫn giữ yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo. Bà Nguyệt đề nghị được xem xét miễn án phí vì bà là người cao tuổi'

Bà Hạnh, ông Thái, ông Thành, anh Minh Tuấn, anh Anh Tuấn, chị Nhung, anh Long giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày bản luận cứ bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huệ và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Thành và gia đình bà Hạnh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Huệ và ông Thành trình bày bản luận cứ và đề nghị HĐXX: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng công sức cho bà Hạnh, chia thừa kế bằng hiện vật cho bà Hạnh, ông Thành nguyên trạng như hiện nay, các thừa kế khác chia bằng giá trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ về hình thức. Bà Huệ, bà Nguyệt có yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị đình chỉ việc xét kháng cáo của bà Huệ, bà Nguyệt.

Về nội dung:

Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tăng công sức cho bà Hạnh bằng 01 kỷ phần thừa kế; Chỉ chia hiện vật cho ông Thành và bà Hạnh; chia cho các bà Huệ, Nguyệt, Ngân bằng tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

I. Về tố tụng:

Về việc rút đơn kháng cáo của đương sự: Xét việc rút kháng cáo của bà Huệ, bà Nguyệt là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét kháng cáo của bà Nguyệt, bà Huệ.

II. Về nội dung:

Nhận thấy: Bà Hạnh, ông Thái, ông Thành, anh Minh Tuấn, anh Anh Tuấn, chị Nhung, anh Long không kháng cáo về người để lại di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, di sản thừa kế và đồng ý chia thừa kế di sản của cụ Đàm, cụ Vượng là diện tích đất 143,8m^2 thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 tại số 08 và 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội theo pháp luật. Bà Hạnh, ông Thái, ông Thành, anh Minh Tuấn, anh Anh Tuấn, chị Nhung, anh Long chỉ kháng cáo đề nghị tăng công sức cho bà Hạnh và chia lại hiện vật cho bà Hạnh, ông Thành như hiện trạng sử dụng đất trên cơ sở bà Huệ, ông Thành thanh toán chênh lệch cho bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân.

2.1. Xét công sức của gia đình bà Hạnh.

Nhận thấy: Di sản thừa kế của vụ Đàm, cụ Vượng là quyền sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 mang biển số nhà 8 và 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển có giá trị là: 143,8m^2 x 100.000.000đồng/m^2 = 14.380.000.000 đồng.

Sinh thời, sau khi các bà Nguyệt, Huệ, Ngân, Tuyết đi lấy chồng không chung sống cùng bố mẹ nữa thì cụ Đàm, cụ Vượng chỉ chung sống cùng vợ chồng bà Hạnh và ông Thành trên thửa đất này cho đến khi các cụ qua đời. Vợ chồng bà Hạnh có nhiều công sức trong việc chăm sóc, phụng dưỡng khi các cụ già yếu cũng như có nhiều công sức trong việc tôn tạo đất, đóng thuế đất. Tại phiên tòa hôm nay, ông Thành khẳng định tuy ông sống cùng bố, mẹ nhưng mọi công việc lo toan, phụng dưỡng 2 cụ phần lớn do vợ chồng bà Hạnh đảm nhiệm nên vợ chồng bà Hạnh có công sức nhiều hơn ông. Bản án sơ thẩm chỉ trích công sức cho bà Hạnh và ông Thành mà không trích công sức cho các thừa kế khác của cụ Đàm, cụ Vượng. Các bà Huệ, Nguyệt có đơn kháng cáo về việc trích công sức của bản án sơ thẩm nhưng đã rút kháng cáo. Do vậy, việc trích công sức cho bà Hạnh và ông Thành là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm trích công sức cho bà Hạnh bằng phần công sức của ông Thành và bằng ½ kỷ phần thừa kế là thiệt thòi cho vợ chồng bà Hạnh. HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Hạnh, ông Thành: Trích công sức cho bà Hạnh bằng 01 kỷ phần thừa kế, giữ nguyên việc trích công sức cho ông Thành bằng ½ kỷ phần thừa kế.

2.2. Như vậy, di sản thừa kế của cụ Đàm, cụ Vượng được chia thành 7,5 phần cho bà Huệ, Nguyệt, Ngân, Tuyết mỗi người được 01 phần, ông Thành được 1,5 phần, bà Hạnh được 02 phần. Ghi nhận tự nguyện của bà Tuyết nhường kỷ phần của mình cho bà Hạnh.

Cụ thể:

Kỷ phần của mỗi bà Huệ, Nguyệt, Ngân là: 14.380.000.000 đồng :7,5 = 1.917.333.333đ

Kỷ phần của ông Thành là: 2.876.000.000đ

Kỷ phần của bà Hạnh (bao gồm cả của bà Tuyết cho) là: 5.752.000.000đ.

2.3. Chia hiện vật:

Xét thấy: Trên toàn bộ diện tích đất 143,8m^2 tranh chấp hiện có ông Thành và gia đình bà Hạnh sử dụng. Ông Thành sử dụng phần đất phía ngoài mặt đường trên có nhà 3 tầng, gia đình bà Hạnh sử dụng phần đất phía trong trên có nhà 3 tầng và khu bếp của gia đình bà Hạnh. Gia đình bà Hạnh bao gồm 07 nhân khẩu phải đi lối đi rất hẹp, trên có phần nhà tầng 2,3 của ông Thành để ra đường Tứ Hiệp.

Nhà 3 tầng do ông Thành đang sử dụng bà Nguyệt khai bà xây cho cụ Đàm ở, sau khi cụ Đàm chết thì mình ông Thành ở còn ông Thành thì khai nhà này do ông xây. Tuy nhiên bà Nguyệt và ông Thành không có tranh chấp về nhà này và bà Nguyệt không yêu cầu ông Thành thanh toán công sức xây dựng nhà cho bà, đồng ý vẫn để ông Thành tiếp tụng sử dụng, sở hữu phần nhà này. Nhà 3

tầng của gia đình bà Hạnh các đương sự đều khai được xây dựng khi cụ Đàm và cụ Vượng vẫn còn sống và đồng ý cho vợ chồng bà Hạnh xây, các anh chị em bà Hạnh cũng không ai có ý kiến phản đối.

Bản án sơ thẩm chia cho bà Huệ, bà Ngân, bà Nguyệt phần đất trên có quá ½ phần nhà 3 tầng của bà Hạnh, chia cho bà Hạnh phần đất trên có một phần nhà 3 tầng và bếp của gia đình bà Hạnh. Tại phiên tòa hôm nay, các bà Nguyệt, Huệ cũng xác định, nếu các bà được chia phần đất trên có nhà 3 tầng này thì phải phá nhà 3 tầng của gia đình bà Hạnh đi thì mới có thể sử dụng phần đất được chia của mình; bà Hạnh và ông Thái cũng như các con bà Hạnh không đồng ý phá nhà 3 tầng của mình để chia đất cho bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân.

Xét thấy, việc chia bằng hiện vật cho các đương sự phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất. Việc chia bằng hiện vật cho tất cả các đương sự như bản án sơ thẩm là không hợp lý, ảnh hưởng đến kết cấu nhà ở và gây khó khăn cho việc sinh hoạt của người được chia đất. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bà Hạnh, ông Thành, ông Thái, anh Minh Tuấn, anh Anh Tuấn, chị Nhung: Chia hiện vật nguyên trạng cho bà Hạnh, ông Thành là những người đang trực tiếp sinh sống và có nhu cầu chỗ ở tại đây, trên cơ sở những người nhận hiện vật vượt quá kỷ phần của mình sẽ phải thanh toán lại giá trị kỷ phần cho những thừa kế khác bằng tiền là hợp tình hợp lý.

Cụ thể: Chia cho bà Hạnh phần đất có DT 82,1m2 trên có nhà 3 tầng và các công trình của gia đình bà Hạnh, trị giá: 82,1m2 x 100.000.000đ/m2= 8.210.000.000đ.

Chia cho ông Thành phần diện tích đất còn lại trên có nhà ông đang sử dụng có DT là 45,4 m2, trị giá: 45,4 m2 x100.000.000đ/m2= 4.540.000.000đ

Ông Thành, bà Hạnh sử dụng chung lối đi có DT 16,3m2 có trị giá là:

16,3 m2 x 100.000.000đ/m2 = 1.630.000.000đ. Ông Thành sử dụng từ phần ban công tầng 2 nhà ông trở lên, bà Hạnh sử dụng từ phần ban công tầng 2 nhà ông Thành trở xuống để làm lối đi. Ghi nhận tự nguyện của bà Hạnh chịu cả trị giá phần lối đi này.

Như vậy, phần đất bà Hạnh được chia có tổng giá trị là: 8.210.000.000đ + 1.630.000.000đ = 9.840.000.000đ; So với kỷ phần được hưởng dôi ra: 9.840.000.000đ - 5.752.000.000đ= 4.088.000.000đ; bà Hạnh phải thanh toán lại cho bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân mỗi bà số tiền là: 1.362.666.670đ.

So với kỷ phần ông Thành được hưởng dôi ra: 9.025.000.000đ-4.540.000.000đ = 1.664.000.000đ, ông Thành phải thanh toán cho bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân mỗi bà số tiền là: 554.666.667đ

3. Đối với phần lấn chiếm diện tích ao Sóc là 17,6 m2: Do diện tích đất lấn chiếm này giáp với phần đất bà Hạnh được chia nên tạm giao diện tích đất này cho bà Hạnh sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Về án phí án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Huệ, bà Nguyệt, bà Hạnh là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Ngân, bà Tuyết phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là: 69.520.000đ. Phần của bà Tuyết do bà Hạnh nộp.

Ông Thành phải chịu án phí là: 89.520.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sợ sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo là: Bà Nguyễn Thị Hạnh; ông Vương Đình Thái; ông Nguyễn Trung Thành; anh Vương Anh Tuấn; anh Vương Minh Tuấn; chị Nguyễn Thị Hồng Nhung; anh Vương Hải Long được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Huệ, Nguyệt do rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa nên được hoàn lại ½ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp. Tuy nhiên do các bà là người cao tuổi được miễn án phí nên các bà được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án huyện Thanh Trì, Hà Nội. Cụ thể:

Căn cứ Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 650, Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56 Nghị định 75/2000/CP ngày 08/12/2000 quy định về trình tự thủ tục chứng thực;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huệ về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Đàm và cụ Nguyễn Thị Vượng về thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30, diện tích 143,8m^2 tại địa chỉ số 08 và số 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội (số cũ là 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội).

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn Đàm, cụ Nguyễn Thị Vượng gồm 6 người là: Bà Nguyễn Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Nguyệt, bà Nguyễn Thị Tuyết, bà Nguyễn Thị Ngân, ông Nguyễn Trung Thành.

1.2. Xác định quyền sử dụng diện tích đất 143,8m^2 thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 30 tại số 08 và 10 đường Tứ Hiệp, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh

Trì, Thành phố Hà Nội (số cũ là 17A khu chợ, thị trấn Văn Điển huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội) có giá trị 14.380.000.000 đồng là của cụ Nguyễn Văn Đàm và cụ Nguyễn Thị Vượng để lại.

1.3. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đàm và cụ Vượng gồm 6 người là: Bà Hạnh, bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân, bà Tuyết, ông Thành.

1.4. Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tuyết nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà cho bà Nguyễn Thị Hạnh.

1.5. Trích công sức tôn tạo, duy trì đất cho ông Nguyễn Trung Thành bằng ½ kỷ phần thừa kế; trích công sức cho bà Nguyễn Thị Hạnh bằng 01 kỷ phần thừa kế.

1.6. Chia di sản thừa kế của cụ Đàm, cụ Vượng thành 7,5 phần. Các bà Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Thị Tuyết mỗi bà được hưởng 01 phần có trị giá là: 1.917.333.333đ.

Ghi nhận tự nguyện của bà Tuyết nhường kỷ phần của mình cho bà Hạnh.

Ông Nguyễn Trung Thành được hưởng 1,5 phần có tổng trị giá là 2.876.000.000đ;

Bà Nguyễn Thị Hạnh được 03 phần (bao gồm của cả bà Tuyết cho) có tổng trị giá là: 5.752.000.000đ.

1.7. Chia hiện vật: (Có sơ đồ phân chia kèm theo bản án)

1.7.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Hạnh phần đất có diện tích 82,1m2 trị giá: 8.210.000.000đ, giới hạn bởi các điểm (*8, 9, 10, 11, 12,12', 23, 24, 25, 26, 19', 19, 20, 2', 8', 8*) trên sơ đồ kèm theo bản án.

Bà Hạnh, ông Thái được sở hữu, sử dụng toàn bộ các tài sản gắn liền với diện tích đất được chia.

1.7.2. Chia cho ông Thành phần diện tích đất còn lại trên có nhà ông đang sử dụng có diện tích là 45,4 m2, trị giá: 4.540.000.000đ, giới hạn bởi các điểm: (*1,2,2',20,21,22,1*) trên sơ đồ kèm theo bản án.

Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyệt không yêu cầu ông Thành thanh toán trị giá nhà 3 tầng trên phần đất ông được chia. Ông Thành được sở hữu toàn bộ ngôi nhà 03 tầng và toàn bộ công trình trên đất được chia.

1.7.3. Ông Thành và gia đình bà Hạnh cùng sử dụng chung diện tích đất 16,3m2, trị giá 1.630.000.000đ (một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng) giới hạn từ các điểm:*(2,3,4,5,6,7,8,8',2',2)* trên sơ đồ kèm theo bản án.

Ông Thành sử dụng từ phần ban công tầng 2 nhà ông trở lên, bà Hạnh sử dụng phần từ ban công tầng 2 của nhà ông Thành trở xuống để làm lối đi

1.8. Tổng cộng, kỷ phần đất bà Hạnh được chia có trị giá là: 9.840.000.000đ. So với kỷ phần được hưởng dư ra là: 4.088.000.000đ

Bà Hạnh phải thanh toán cho bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân mỗi bà số tiền là: 1.362.666.670đ (một tỷ, ba trăm sáu hai triệu, sáu trăm sáu sáu ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng).

1.9. Kỷ phần đất của ông Thành được chia là: 4.540.000.000đ. So với kỷ phần được hưởng, phần ông Thành được chia dư ra là: 1.664.000.000đ

Ông Thành phải thanh toán cho bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân mỗi bà số tiền là: 554.666.667đ (năm trăm năm mươi tư triệu, sáu trăm sáu sáu ngàn, sáu trăm sáu bảy đồng).

1.10. Bà Huệ, bà Nguyệt, bà Ngân mỗi bà được nhận 554.666.667đ (năm trăm năm mươi tư triệu, sáu trăm sáu sáu ngàn, sáu trăm sáu bảy đồng)do ông Thành thanh toán và 1.362.666.670đ (một tỷ, ba trăm sáu hai triệu, sáu trăm sáu sáu ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng) do bà Hạnh thanh toán.

1.11. Bà Nguyễn Thị Hạnh và ông Nguyễn Trung Thành có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mình được chia theo quy định pháp luật.

II. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Huệ đối với diện tích đất lấn ao Sóc là 17,6 m^2 do thuộc UBND thị trấn Văn Điển quản lý.

III. Tạm giao diện tích đất lấn ao Sóc là 17,6 m2 (*giới hạn bởi các điểm:12', 13, 14, 15, 15', 16, 17, 18, 19', 26, 25, 24, 23, 12') trên sơ đồ kèm theo bản án*) cho bà Hạnh sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

IV. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nguyệt, ông Thái**.**

4.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết (do bà Hạnh có nghĩa vụ nộp thay), bà Nguyễn Thị Ngân mỗi người phải chịu 69.520.000đ (sáu chín triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Ông Nguyễn Trung Thành phải chịu 89.520.000đ (tám mươi chín triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

V. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Nguyệt, bà Nguyễn Thị Hạnh, ông Vương Đình Thái, ông Nguyễn Trung Thành, anh Vương Anh Tuấn, anh Vương Minh Tuấn, chị Nguyễn Thị Hồng Nhung, anh Vương Hải Long mỗi người được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các BL số 0062577; 0062578; 0062579; 0062580; 0062581; 0062582; 0062583 cùng ngày 09/6/2022 và số 0062605; 0062604 cùng ngày 20/6/2022 của Chi cục THADS huyện Thanh Trì.

VI. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với

các khoản tiền phải trả chio người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

VII. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

VIII. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Thanh Trì;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy